

NGHỊ QUYẾT
Về dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG
KHÓA X KỲ HỌP THỨ 21

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;
Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;
Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;
Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách nhà nước năm 2025;
Căn cứ Công văn số 4488/BKHĐT-TH ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc xây dựng kế hoạch đầu tư công năm 2025;
Xét Tờ trình số 75/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hậu Giang về dự thảo Nghị quyết dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang thống nhất dự kiến Kế hoạch đầu tư công năm 2025, với tổng số vốn 7.113.289 triệu đồng. Cụ thể như sau:

- Ngân sách địa phương: 3.631.929 triệu đồng, bao gồm:
 - Vốn xây dựng cơ bản tập trung 865.849 triệu đồng;
 - Đầu tư từ thu tiền sử dụng đất 1.000.000 triệu đồng;
 - Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết 1.649.000 triệu đồng;
 - Đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương 117.080 triệu đồng.
- Ngân sách Trung ương 3.481.360 triệu đồng.

- a) Vốn trong nước: 3.352.020 triệu đồng. Trong đó:
- Vốn trong nước đầu tư theo ngành, lĩnh vực: 575.800 triệu đồng.
 - Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án quan trọng khác: 1.018.000 triệu đồng.
 - Vốn Chương trình mục tiêu quốc gia: 93.220 triệu đồng.
 - Nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW năm 2021: 1.665.000 triệu đồng.
- b) Vốn nước ngoài: 129.340 triệu đồng.

(Chi tiết theo Biểu mẫu số I, II, III, IV, V, VI đính kèm)

Điều 2. Hội đồng nhân dân tỉnh giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo quy định pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang Khóa X Kỳ họp thứ 21 thông qua và có hiệu lực từ ngày 24 tháng 7 năm 2024. / 

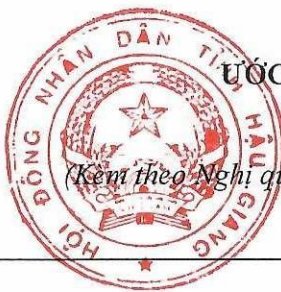
Nơi nhận:

- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Cục Quản trị II; Cục Hành chính - Quản trị II;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- TT: TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN và các đoàn thể tỉnh;
- Sở, ban, ngành tỉnh;
- HĐND, UBND, UBNDTTQVN cấp huyện;
- Cơ quan Báo, Đài tỉnh;
- Công Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Trần Văn Huyền



Biểu mẫu số I

ƯỚC TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2024 VÀ
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 CỦA TỈNH HẬU GIANG

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nguồn vốn	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 Thủ tướng Chính phủ giao	Kế hoạch trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 Hội đồng nhân dân tỉnh giao	Kế hoạch năm 2024		Dự kiến Kế hoạch năm 2025	Ghi chú
				Kế hoạch	Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		
	TỔNG SỐ	18.666.669	22.366.806	6.651.106	6.318.551	7.113.289	
A	VỐN NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	8.891.600	12.591.737	3.239.924	3.239.924	3.631.929	
	Trong đó:						
-	Chi xây dựng cơ bản tập trung vốn trong nước	3.154.957	3.154.957	581.524	581.524	865.849	
-	Đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất	250.000	2.750.000	1.000.000	1.000.000	1.000.000	
-	Đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	5.439.643	6.358.000	1.649.000	1.649.000	1.649.000	
-	Đầu tư từ bội chi ngân sách địa phương	47.000	328.780	9.400	9.400	117.080	
B	VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG	9.775.069	9.775.069	3.411.182	3.078.627	3.481.360	
I	VỐN TRONG NƯỚC	9.178.069	9.178.069	3.405.042	3.072.487	3.352.020	
1	Vốn đầu tư theo ngành, lĩnh vực	4.132.147	4.132.147	526.800	526.800	575.800	
2	Đầu tư các dự án quan trọng quốc gia, dự án cao tốc, liên kết vùng, đường ven biển, dự án quan trọng khác	4.666.000	4.666.000	2.728.000	2.395.445	1.018.000	
3	Vốn chương trình mục tiêu quốc gia	379.922	379.922	100.242	100.242	93.220	
4	Nguồn tăng thu, cắt giảm, tiết kiệm chi NSTW năm 2021			50.000	50.000	1.665.000	
II	VỐN NƯỚC NGOÀI	597.000	597.000	6.140	6.140	129.340	

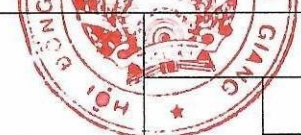


Biểu mẫu số II

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	 Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Kế hoạch năm 2024					Dự kiến Kế hoạch năm 2025						Ghi chú
			Ngân sách địa phương					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Ngân sách địa phương					
			Tổng số	Trong đó:					Tổng số	Trong đó:				
				Xây dựng cơ bản tập trung	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương			Xây dựng cơ bản tập trung	Xổ số kiến thiết	Tiền sử dụng đất	Bội chi ngân sách địa phương	
	TỔNG SỐ	3.239.924	3.239.924	581.524	1.649.000	1.000.000	9.400	3.631.929	3.631.929	865.849	1.813.900	1.100.000	117.080	
I	Trả nợ gốc, lãi phí các khoản do chính quyền địa phương vay	17.400	17.400	17.400				23.100	23.100	23.100				
II	Vốn thực hiện các nhiệm vụ và phân bổ cho các dự án	3.222.524	3.222.524	564.124	1.649.000	1.000.000	9.400	3.608.829	3.608.829	842.749	1.649.000	1.000.000	117.080	

**TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG (VỐN TRONG NƯỚC) NĂM 2024
VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2025 ĐỐI VỚI DANH MỤC NHIỆM VỤ, DỰ ÁN THUỘC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ TRUNG HẠN VỐN NSNN GIAI ĐOẠN 2021-2025**

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án		Mã dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 được giao		Kế hoạch năm 2024				Dự kiến Kế hoạch năm 2025		Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch		Ước giải ngân cả năm 2024					
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Trung ương					
TỔNG SỐ						15.345.904	13.997.554	8.119.124	7.745.274	3.254.800	3.254.800	2.922.245	2.922.245	1.593.800	1.593.800	
	Thực hiện dự án					15.345.904	13.997.554	8.119.124	7.745.274	3.254.800	3.254.800	2.922.245	2.922.245	1.593.800	1.593.800	
A	Các hoạt động kinh tế					15.345.904	13.997.554	8.119.124	7.745.274	3.254.800	3.254.800	2.922.245	2.922.245	1.593.800	1.593.800	
I	Lĩnh vực giao thông					14.440.454	13.242.254	7.243.124	6.869.424	3.089.239	3.089.239	2.756.684	2.756.684	1.507.400	1.507.400	
*	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh					4.741.141	4.367.441	3.679.791	3.307.091	502.497	502.497	502.497	502.497	639.400	639.400	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2024					405.482	401.982	405.482	401.982	56.803	56.803	56.803	56.803	-	-	
	Dự án nhóm B					405.482	401.982	405.482	401.982	56.803	56.803	56.803	56.803	-	-	
1	Đường tỉnh 931 (đoạn từ xã Vĩnh Viễn đến cầu Xẻo Vệt)	7865047	2021-2024	705/QĐ-UBND, 14/4/2021		405.482	401.982	405.482	401.982	56.803	56.803	56.803	56.803	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025					470.000	470.000	470.000	470.000	60.000	60.000	60.000	60.000	139.000	139.000	
	Dự án nhóm B					470.000	470.000	470.000	470.000	60.000	60.000	60.000	60.000	139.000	139.000	
1	Dự án Đường tỉnh 929 (đoạn từ đường tỉnh 931B đến Quốc lộ 61)	7901434	2022-2025	2586/QĐ-UBND 30/12/2021		300.000	300.000	300.000	300.000	35.000	35.000	35.000	35.000	118.500	118.500	
2	Cải tạo, mở rộng đường tỉnh 925B (đoạn từ xã Vị Thủy đến Vĩnh Thuận Tây)	7901435	2022-2025	2646/QĐ-UBND 31/12/2021		170.000	170.000	170.000	170.000	25.000	25.000	25.000	25.000	20.500	20.500	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025					3.865.659	3.495.459	2.804.309	2.435.109	385.694	385.694	385.694	385.694	500.400	500.400	
	Dự án nhóm A					3.269.200	2.899.000	2.484.309	2.115.109	282.694	282.694	282.694	282.694	450.000	450.000	
1	Đường tỉnh 926B, tỉnh Hậu Giang kết nối tuyến Quản lộ Phụng Hiệp, tỉnh Sóc Trăng	7865048	2021-2026	1942/QĐ-UBND, 14/10/2021		1.569.200	1.200.000	1.569.200	1.200.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	150.000	
2	Cải tạo, nâng cấp, kết nối hệ thống giao thông thủy bộ đường tỉnh 925B và kênh Nàng Mau, tỉnh Hậu Giang	7865041	2022-2027	1572/QĐ-UBND, 12/9/2023		1.700.000	1.699.000	915.109	915.109	132.694	132.694	132.694	132.694	300.000	300.000	
	Dự án nhóm B					596.459	596.459	320.000	320.000	103.000	103.000	103.000	103.000	50.400	50.400	
1	Dự án Đường tỉnh 927 (đoạn từ ngã ba Vĩnh Tường đến xã Phương Bình)	7901433	2023-2026	1415/QĐ-UBND, 18/8/2023		330.000	330.000	200.000	200.000	65.000	65.000	65.000	65.000	50.400	50.400	
2	Dự án Đường tỉnh 927 (đoạn từ thị trấn Cây Dương đến thành phố Ngã Bảy)	7901432	2023-2026	1230/QĐ-UBND, 20/7/2023		266.459	266.459	120.000	120.000	38.000	38.000	38.000	38.000			
	Sở Giao thông vận tải					9.601.980	8.778.480	3.466.000	3.466.000	2.578.000	2.578.000	2.245.445	2.245.445	868.000	868.000	
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025					9.601.980	8.778.480	3.466.000	3.466.000	2.578.000	2.578.000	2.245.445	2.245.445	868.000	868.000	
	Dự án nhóm A					9.601.980	8.778.480	3.466.000	3.466.000	2.578.000	2.578.000	2.245.445	2.245.445	868.000	868.000	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 được giao		Kế hoạch năm 2024				Dự kiến Kế hoạch năm 2025		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch		Ước giải ngân cả năm 2024					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)			Trong đó: Ngân sách Trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: Ngân sách Trung ương	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)				Trong đó: Ngân sách Trung ương
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
1	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn I	7991278	2023-2027	2248/QĐ-UBND, 30/12/2022; 1311/QĐ-UBND, 02/8/2023	9.601.980	8.778.480	3.466.000	3.466.000	2.578.000	2.578.000	2.245.445	2.245.445	868.000	868.000	
**	UBND.huyện Phụng Hiệp				97.333	96.333	97.333	96.333	8.742	8.742	8.742	8.742	-	-	
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2024				97.333	96.333	97.333	96.333	8.742	8.742	8.742	8.742	-	-	
	Dự án nhóm B				97.333	96.333	97.333	96.333	8.742	8.742	8.742	8.742	-	-	
1	Nâng cấp mở rộng đường tỉnh 927 (đoạn từ xã Phương Bình đến thị trấn Cây Dương)	7791740	2021-2024	1896/QĐ-UBND, 29/10/2019; 2329/QĐ-UBND, 04/12/2020	97.333	96.333	97.333	96.333	8.742	8.742	8.742	8.742	-	-	
II	Lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, diêm nghiệp, thủy lợi và thủy sản				439.450	289.450	410.000	410.000	64.950	64.950	64.950	64.950	35.500	35.500	
*	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông và nông nghiệp tỉnh				200.000	200.000	200.000	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	35.500	35.500	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				200.000	200.000	200.000	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	35.500	35.500	
	Dự án nhóm B				200.000	200.000	200.000	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	35.500	35.500	
1	Kê chống sạt lở kênh xáng Xã No giai đoạn 3	7865045	2022-2025	2628/QĐ-UBND 31/12/2021	200.000	200.000	200.000	200.000	40.000	40.000	40.000	40.000	35.500	35.500	
*	Khu Bảo tồn thiên nhiên Lung Ngọc Hoàng				60.000	60.000	60.000	60.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	-	
	Dự án khởi công mới năm 2022				60.000	60.000	60.000	60.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	-	
	Dự án nhóm B				60.000	60.000	60.000	60.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	-	
1	Dự án di dời dân từ khu bảo vệ nghiêm ngặt ra khu sản xuất của Khu Bảo tồn thiên nhên Lung Ngọc Hoàng, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang	7915992	2022-2025	1698/QĐ-UBND, 06/9/2021	60.000	60.000	60.000	60.000	15.000	15.000	15.000	15.000	-	-	
**	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang				179.450	29.450	150.000	150.000	9.950	9.950	9.950	9.950	-	-	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				179.450	29.450	150.000	150.000	9.950	9.950	9.950	9.950	-	-	
	Dự án nhóm B				179.450	29.450	150.000	150.000	9.950	9.950	9.950	9.950	-	-	
1	Khu tái định cư Đông Phú phục vụ Khu công nghiệp Sóng Hề	7903977	2022-2025	50/QĐ-UBND, 10/01/2022; 1675/QĐ-UBND, 29/9/2022; 983/QĐ-UBND, 14/6/2023	179.450	29.450	150.000	150.000	9.950	9.950	9.950	9.950	-	-	
III	Lĩnh vực Khu công nghiệp và khu kinh tế				466.000	465.850	466.000	465.850	100.611	100.611	100.611	100.611	50.900	50.900	
*	Công ty Phát triển hạ tầng Khu công nghiệp Hậu Giang				236.000	236.000	236.000	236.000	60.000	60.000	60.000	60.000	50.900	50.900	
	Dự án dự kiến hoàn thành năm 2025				236.000	236.000	236.000	236.000	60.000	60.000	60.000	60.000	50.900	50.900	
	Dự án nhóm B				236.000	236.000	236.000	236.000	60.000	60.000	60.000	60.000	50.900	50.900	
1	Hoàn chỉnh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Thạnh và Khu công nghiệp Sóng Hề	7903978	2022-2025	61/QĐ-UBND, 10/01/2022	136.000	136.000	136.000	136.000	40.000	40.000	40.000	40.000	45.950	45.950	
2	Đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm Công nghiệp tập trung Phú Hữu A giai đoạn 3	7903976	2022-2025	2647/QĐ-UBND 31/12/2021	100.000	100.000	100.000	100.000	20.000	20.000	20.000	20.000	4.950	4.950	
**	Ban Quản lý Khu Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang				230.000	229.850	230.000	229.850	40.611	40.611	40.611	40.611	-	-	

STT	Danh mục dự án	Mã dự án	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch 5 năm giai đoạn 2021 - 2025 được giao		Kế hoạch năm 2024				Dự kiến Kế hoạch năm 2025		Ghi chú	
				Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	Tổng mức đầu tư			Kế hoạch		Ước giải ngân cả năm 2024					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		
						Ngân sách Trung ương	Ngân sách Trung ương								Ngân sách Trung ương
	Dự án hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng trước 31/12/2024				230.000	229.850	230.000	229.850	40.611	40.611	40.611	40.611	-	-	
	Dự án nhóm B				230.000	229.850	230.000	229.850	40.611	40.611	40.611	40.611	-	-	
1	Đầu tư xây dựng Cầu số 1, đường số 5 và đường số 1 thuộc Khu Trung tâm Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Hậu Giang	7864197	2021-2024	713/QĐ-UBND, 14/4/2021	230.000	229.850	230.000	229.850	40.611	40.611	40.611	40.611	-		





Biểu mẫu số IV

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2025 VỐN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

DVT: Triệu đồng

STT	Danh mục dự án	Kế hoạch năm trung hạn 5 năm giai đoạn 2021 - 2025		Kế hoạch năm 2024		Ước giải ngân cả năm 2024		Dự kiến Kế hoạch năm 2025		Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	
			Chương trình mục tiêu quốc gia		Chương trình mục tiêu quốc gia		Chương trình mục tiêu quốc gia		Chương trình mục tiêu quốc gia	
	TỔNG SỐ	379.922	379.922	100.242	100.242	100.242	100.242	93.220	93.220	
I	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững	9.754	9.754	3.569	3.569	3.569	3.569	2.370	2.370	
II	Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	49.248	49.248	13.763	13.763	13.763	13.763	13.710	13.710	
III	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới	320.920	320.920	82.910	82.910	82.910	82.910	77.140	77.140	

Biểu mẫu số V



TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG TĂNG THU, TIẾT KIỆM CHI NĂM 2021

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

Stt	Danh mục dự án	Mã dự án	Mã ngành kinh tế (loại, khoản)	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Năm 2024				Dự kiến kế hoạch năm 2025		Ghi chú
					Số quyết định ngày, tháng, năm ban hành	TMĐT		Kế hoạch		Ước giải ngân cả năm 2024				
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: NSTW	Tổng số		
												Tổng số	Trong đó: Chuẩn bị đầu tư	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	15	16	17	18	19
	TỔNG SỐ					9.601.980	1.715.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1.665.000		
A	LĨNH VỰC KINH TẾ					9.601.980	1.715.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1.665.000		
	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025					9.601.980	1.715.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1.665.000		
1	Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường bộ cao tốc Châu Đốc - Cần Thơ - Sóc Trăng giai đoạn 1	7991278	292	2022-2027	2248/QĐ-UBND, 30/12/2022; 1311/QĐ-UBND, 02/8/2023	9.601.980	1.715.000	50.000	50.000	50.000	50.000	1.665.000		



Biểu mẫu số VI

DANH MỤC KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG VỐN NƯỚC NGOÀI (VỐN VAY ODA VÀ VỐN VAY ƯU ĐÃI CỦA CÁC NHÀ TÀI TRỢ NƯỚC NGOÀI ĐƯA VÀO NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG) NĂM 2025

(Kèm theo Nghị quyết số: 31/NQ-HĐND ngày 24 tháng 7 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hậu Giang)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Đanh mục dự án		Mã dự án	Số quyết định	Quyết định đầu tư				Kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021 - 2025				Kế hoạch năm 2024		Ước giải ngân từ 01/01/2024 đến 31/12/2024		Kế hoạch năm 2025			Ghi chú			
					TMDT				Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:			Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:					
					Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:				Vốn đối ứng	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW	Vốn nước ngoài (tính theo tiền Việt) đưa vào cân đối NSTW							Tổng số (tất cả các nguồn vốn)		Trong đó:	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:
						NSDP	Vốn viện trợ không hoàn lại	Vay lại															
	TỔNG SỐ				1.303.201	409.523	40.872	390.262	462.544	241.829	169.547	-	36.141	6.140	6.140	6.140	6.140	129.340	117.080	12.260			
I	Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp tỉnh				1.211.372	389.976	40.872	390.262	390.262	150.000	150.000	-	-	-	-	-	-	129.340	117.080	12.260			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2025				1.211.372	389.976	40.872	390.262	390.262	150.000	150.000	-	-	-	-	-	-	129.340	117.080	12.260			
I	Dự án Phát triển đô thị xanh thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang			1933/QĐ-UBND, 09/11/2023	1.211.372	389.976	40.872	390.262	390.262	150.000	150.000			-		-		129.340	117.080	12.260			
II	Sở Y tế				91.829	19.547			72.282	91.829	19.547	-	36.141	6.140	6.140	6.140	6.140	-	-	-			
	Dự án chuyển tiếp hoàn thành năm 2024				91.829	19.547			72.282	91.829	19.547	-	36.141	6.140	6.140	6.140	6.140	-	-	-			
I	Đầu tư xây dựng và phát triển hệ thống cung ứng dịch vụ y tế tuyến cơ sở – Dự án thành phần tỉnh Hậu Giang	7848487		501/QĐ-UBND 29/3/2019	91.829	19.547			72.282	91.829	19.547		36.141	6.140	6.140	6.140	6.140	-					